

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
**ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG**

**CAO NGUYỄN MINH HIỀN**

**ĐÀO TẠO NGHỀ CHO LAO ĐỘNG NÔNG**  
**THÔN HUYỆN LỆ THỦY, TỈNH QUẢNG BÌNH**

**Chuyên ngành: Kinh tế phát triển**  
**Mã số: 60.31.05**

**TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ KINH TẾ**

**Đà Nẵng - Năm 2014**

Công trình được hoàn thành tại  
**ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG**

Người hướng dẫn khoa học: **PGS.TS. Lê Thế Giới**

Phản biện 1: **TS. Nguyễn Thanh Liêm**

Phản biện 2: **TS. Hồ Đình Bảo**

Luận văn được bảo vệ trước Hội đồng chấm Luận văn tốt nghiệp thạc sĩ kinh tế họp tại Đà Nẵng vào ngày 22 tháng 02 năm 2014

*Có thể tìm hiểu luận văn tại:*

- Trung tâm Thông tin- Học liệu, Đại học Đà Nẵng
- Thư viện trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng

## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài

Đào tạo nghề cho lao động nông thôn là sự nghiệp của Đảng, Nhà nước, của các cấp, các ngành và xã hội nhằm nâng cao chất lượng lao động nông thôn, đáp ứng yêu cầu CNH-HĐH nông nghiệp, nông thôn.

Việt Nam là một nước xuất khẩu lương thực và hàng nông sản lớn trên thế giới. Điều này đòi hỏi người nông dân phải trở thành các “chuyên gia” trong lĩnh vực nông nghiệp, phải trở thành nông dân hiện đại. Trong khi đó, hiện nay tỷ lệ lao động nông thôn qua đào tạo nghề ở nước ta còn rất thấp. Chính vì những bất cập trên mà đào tạo nghề đóng vai trò quan trọng trong phát triển KT-XH hiện nay.

Lệ Thủy là một huyện với địa bàn rộng lớn, luôn bị thiên tai lũ lụt hạn hán đe dọa, kinh tế chủ yếu là trồng trọt, đời sống nhân dân còn gặp nhiều khó khăn. Vì vậy đào tạo nghề cho lao động nông thôn có ý nghĩa hết quan trọng nhằm thực hiện các mục tiêu đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế, giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập, xóa đói giảm nghèo.

Xuất phát từ yêu cầu trên, tôi lựa chọn đề tài “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình”.

### 2. Mục tiêu nghiên cứu

Làm rõ một số lý luận cơ bản về đào tạo nghề cho lao động nông thôn.

Phân tích đánh giá thực trạng đào tạo nghề của lao động nông thôn huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình trong thời gian qua.

Đề xuất các giải pháp cơ bản nhằm hoàn thiện công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình.

### **3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

#### **- Đối tượng nghiên cứu**

Luận văn đi sâu nghiên cứu đào tạo nghề cho lao động nông thôn huyện Lệ Thủy

#### **- Phạm vi nghiên cứu**

*Nội dung:* Luận văn tập trung phân tích, đánh giá thực trạng đào tạo nghề cho lao động nông thôn huyện Lệ Thủy trong những năm qua từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn huyện Lệ Thủy.

*Không gian:* 26 xã nông thôn huyện Lệ Thủy

*Thời gian:* Luận văn tập trung nghiên cứu các vấn đề đào tạo nghề cho lao động nông thôn huyện Lệ Thủy trong vòng 3 năm, từ 2010-2012.

### **4. Phương pháp nghiên cứu**

Trên cơ sở phương pháp chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử, luận văn sử dụng tổng hợp một số phương pháp như: phương pháp phân tích, thống kê, so sánh, đánh giá dựa trên những tài liệu thực tiễn của các ngành có liên quan đến phạm vi nghiên cứu để làm rõ vấn đề mà đề tài đề cập.

### **5. Bố cục đề tài**

Ngoài phần mở đầu, kết luận, kiến nghị và danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của luận văn được chia làm 3 chương:

Chương 1: Một số vấn đề lý luận về đào tạo nghề cho lao động nông thôn.

Chương 2: Thực trạng đào tạo nghề cho lao động nông thôn huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình.

Chương 3: Định hướng và giải pháp đào tạo nghề cho lao động nông thôn huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình.

## 6. Tổng quan tài liệu nghiên cứu

Có nhiều công trình nghiên cứu đã đề cập đến đào tạo nghề cho lao động nông thôn ở nhiều góc độ và phạm vi khác nhau như:

➤ Năm 2003, Lê Thị Ái Lâm có công trình nghiên cứu với tiêu đề “Phát triển nguồn nhân lực thông qua giáo dục và đào tạo: Kinh nghiệm Đông Á”

➤ Th.s Nguyễn Xuân Bảo, Viện Khoa học giáo dục Việt Nam, có những nghiên cứu về đào tạo nghề và đưa ra những kết quả, những hạn chế của đào tạo nghề

➤ Năm 2011, Viện nghiên cứu khoa học dạy nghề đã xuất bản cuốn “Mô hình dạy nghề và giải quyết việc làm cho lao động ở khu vực chuyển đổi mục đích sử dụng đất

➤ Đề tài cấp Nhà nước do Viện nghiên cứu Quản lý Kinh tế Trung ương “Nghiên cứu dự báo về chuyển dịch cơ cấu lao động nông nghiệp, nông thôn và các giải pháp giải quyết việc làm trong quá trình CNH-HĐH, ĐTH” do PGS.TS Lê Xuân Bá chủ nhiệm.

➤ Một số quan điểm và định hướng về giải pháp tạo việc làm và sử dụng lao động nông thôn trong điều kiện kinh tế hiện nay của T.S Chu Tiến Quang- Viện NCQLKTTW

➤ Vai trò của Nhà nước trong việc đào tạo nghề - nhìn từ góc độ kinh tế học của TS. Đỗ Thị Thu Hằng và Đỗ Thị Kim Thoa

Tuy đã có nhiều nghiên cứu về đào tạo nghề nói chung, đào tạo nghề cho lao động nông thôn nói riêng và các vấn đề có liên quan, song các công trình trên chỉ nghiên cứu về đào tạo, đào tạo nghề nói chung. Hiện chưa có công trình nào ở trong và ngoài nước nghiên cứu một cách tổng thể và chi tiết về “*Đào tạo nghề cho lao động nông thôn huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình*”.

## CHƯƠNG 1

### MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ ĐÀO TẠO NGHỀ CHO LAO ĐỘNG NÔNG THÔN

#### 1.1. TỔNG QUAN VỀ LAO ĐỘNG NÔNG THÔN VÀ ĐÀO TẠO NGHỀ CHO LAO ĐỘNG NÔNG THÔN

##### 1.1.1. Một số khái niệm

*a. Lao động*

*b. Lao động nông thôn*

Lao động nông thôn: những người thuộc lực lượng lao động và hoạt động trong hệ thống kinh tế nông thôn.

*c. Đào tạo nghề cho lao động nông thôn*

- *Nghề*

- *Đào tạo nghề cho lao động nông thôn*: Hoạt động dạy nghề trong các cơ sở dạy nghề, lớp dạy nghề nhằm truyền đạt kiến thức về lý thuyết và kỹ năng thực hành cho người học nghề là lao động nông thôn, để người học có được trình độ, kỹ năng, kỹ xảo và đạt được những tiêu chuẩn nhất định của một nghề hoặc nhiều nghề đáp ứng yêu cầu việc làm của thị trường lao động.

- *Các yếu tố của quá trình đào tạo nghề*

\* Nhóm yếu tố cấu thành của quá trình đào tạo nghề

\* Nhóm yếu tố đảm bảo của quá trình đào tạo nghề

##### 1.1.2. Đặc điểm lao động nông thôn

- Trình độ thể lực hạn chế

- Trình độ văn hóa, khoa học kỹ thuật, tiếp cận thị trường thấp

- Lao động nông thôn mang nặng tư tưởng và tâm lý tiểu nông

##### 1.1.3. Phân loại đào tạo nghề cho lao động nông thôn

*a. Theo trình độ đào tạo nghề*: sơ cấp nghề, trung cấp nghề, cao đẳng nghề.

*b. Theo thời gian đào tạo nghề:* ngắn hạn và dài hạn

*c. Theo hình thức đào tạo nghề:* chính quy và thường xuyên.

#### **1.1.4. Ý nghĩa của đào tạo nghề cho lao động nông thôn**

Có vai trò quan trọng đối với phát triển vốn con người, nguồn nhân lực, tăng trưởng kinh tế, tạo việc làm, giảm nghèo.

### **1.2. NỘI DUNG ĐÀO TẠO NGHỀ CHO LAO ĐỘNG NÔNG THÔN**

#### **1.2.1. Xác định nhu cầu đào tạo nghề cho lao động nông thôn**

##### *a. Nhu cầu sử dụng lao động*

Nhu cầu nhân lực cho sự phát triển các ngành kinh tế ở nước ta cụ thể: Nhu cầu nhân lực cho phát triển công nghiệp, xây dựng; nhu cầu nhân lực cho sự phát triển nông lâm ngư nghiệp; nhu cầu nhân lực cho sự phát triển các ngành dịch vụ; nhu cầu nhân lực cho việc xuất khẩu lao động đã qua đào tạo; nhu cầu nhân lực cho đầu tư nước ngoài tại Việt Nam; nhu cầu nhân lực kỹ thuật cao.

Việc xác định nhu cầu sử dụng lao động với những ngành nghề cụ thể của các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất có ý nghĩa quan trọng trong việc tổ chức đào tạo nghề cho lao động nông thôn.

##### *b. Nhu cầu học nghề của lao động nông thôn*

Những đòi hỏi và mong muốn của con người cần được học nghề.

Các nghề đào tạo cho lao động nông thôn được chia thành hai lĩnh vực chính: lĩnh vực nông nghiệp và lĩnh vực phi nông nghiệp.

#### **1.2.2. Xác định mục tiêu đào tạo nghề**

Mục tiêu đào tạo nghề: kết quả mong muốn đạt được sau khi kết thúc quá trình đào tạo nghề, thể hiện ở những yêu cầu về phát triển năng lực nghề nghiệp của người học mà quá trình đào tạo phải đạt được, số lượng và cơ cấu học viên, thời gian đào tạo.

### ***a. Số lượng, đối tượng và thời gian đào tạo nghề***

Số lượng: Phải xác định được số lượng học viên được đào tạo nghề cụ thể.

Đối tượng đào tạo nghề: lựa chọn người cụ thể để đào tạo

Thời gian đào tạo: hoạch định thời gian đào tạo nghề rõ ràng.

### ***b. Trình độ đào tạo***

Theo luật dạy nghề thì đào tạo nghề có ba trình độ đào tạo là sơ cấp nghề, trung cấp nghề và cao đẳng nghề.

## **1.2.3. Xây dựng kế hoạch và phương thức đào tạo nghề**

### ***a. Kế hoạch đào tạo***

Xây dựng kế hoạch: quyết định trước xem phải làm cái gì, làm như thế nào, khi nào làm và ai làm cái đó.

### ***b. Phương thức đào tạo***

Phương thức đào tạo gồm: phương pháp và hình thức đào tạo

### ***c. Mô hình đào tạo***

Mô hình đào tạo nghề nhằm mô phỏng quá trình đào tạo nghề, nó bao gồm các chủ thể cũng như những chức năng, nhiệm vụ cụ thể của từng chủ thể trong mô hình.

### ***d. Kinh phí đào tạo***

Kinh phí đào tạo nghề quyết định việc lựa chọn phương án đào tạo, kinh phí đào tạo nghề bao gồm các chi phí cho việc học tập, chi phí cho việc giảng dạy. Ngoài ra, chi phí đào tạo nghề cho lao động nông thôn còn có chi phí hỗ trợ cho người học nghề.

## **1.2.4 Triển khai chương trình đào tạo nghề**

### ***a. Mạng lưới cơ sở đào tạo nghề***

Mạng lưới trường đào tạo nghề ở nước ta bao gồm : các trường dạy nghề, các trung tâm dạy nghề, các trường cao đẳng, trung



học chuyên nghiệp có dạy nghề, một số trường đại học có dạy nghề, các cơ sở dạy nghề tư nhân đã đăng ký và chưa đăng ký, các hộ gia đình có dạy nghề. Khi tiến hành khảo sát mạng lưới cơ sở đào tạo nghề chúng ta cần xem xét, đánh giá : Cơ sở vật chất; đội ngũ cán bộ đào tạo nghề; chương trình, giáo trình đào tạo nghề

### ***b. Triển khai kế hoạch đào tạo nghề***

Là quá trình chuyển những hoạch định về đào tạo nghề với mục tiêu, đối tượng, phương thức...thành những hành động nhất định nhằm đạt được kết quả mong muốn.

### ***c. Triển khai các chính sách đào tạo nghề***

Triển khai chính sách: Quá trình chuyển những tuyên bố trên giấy tờ của chính quyền về loại dịch vụ, mục tiêu, đối tượng, phương thức thành những hành động nhất định nhằm phân phối dịch vụ từ tuyên bố.

### ***d. Kiểm tra, đánh giá kết quả đào tạo nghề***

- *Kiểm tra*: một thuật ngữ chỉ sự đo lường, thu thập thông tin để có được những phán đoán, xác định xem mỗi người học sau khi học đã biết gì (kiến thức), làm được gì (kỹ năng) và bộc lộ thái độ ứng xử ra sao.

- *Đánh giá*: quá trình thu thập chứng cứ và đưa ra những lượng giá về bản chất và phạm vi của kết quả học tập hay thành tích đạt được so với các tiêu chí và tiêu chuẩn đào tạo, làm cơ sở để cấp văn bằng chứng chỉ cho người đó. [13, tr.10]

Đánh giá kết quả thành tích học tập là khâu không thể thiếu trong quá trình dạy học.

### **1.3. NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN ĐÀO TẠO NGHỀ CHO LAO ĐỘNG NÔNG THÔN Ở NƯỚC TA HIỆN NAY**

#### **1.3.1. Điều kiện tự nhiên**

Điều kiện tự nhiên ảnh hưởng đến xây dựng kế hoạch, lựa chọn hình thức, danh mục nghề đào tạo ...cho lao động nông thôn.

#### **1.3.2. Đường lối chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về phát triển đào tạo nghề**

Đường lối chủ trương, chính sách phù hợp là điều kiện thuận lợi để phát triển đào tạo nghề cho lao động nông thôn, ngược lại.

#### **1.3.3. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế:**

Tạo ra sự chuyển dịch rất lớn đối với lao động nông thôn

#### **1.3.4. Thị trường lao động**

Công tác dự báo thị trường lao động có vai trò rất quan trọng

#### **1.3.5. Quy mô, chất lượng lực lượng lao động nông thôn**

Để công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn đạt hiệu quả, lao động nông thôn cần phải có trình độ học vấn nhất định.

#### **1.3.6. Nhu cầu học nghề của lao động nông thôn**

Ý thức của người lao động nông thôn đối với học nghề quyết định rất lớn đến sự thành công, thất bại trong công tác đào tạo nghề.

#### **1.3.7. Cơ sở vật chất cho đào tạo nghề và đội ngũ giáo viên dạy nghề**

### **1.4. KINH NGHIỆM CỦA MỘT SỐ ĐỊA PHƯƠNG TRONG NƯỚC VỀ PHÁT TRIỂN ĐÀO TẠO NGHỀ CHO LAO ĐỘNG NÔNG THÔN**

#### **1.4.1. Kinh nghiệm đào tạo nghề cho lao động nông thôn huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế**

#### **1.4.2. Kinh nghiệm đào tạo nghề cho lao động nông thôn huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa.**

## CHƯƠNG 2

### THỰC TRẠNG ĐÀO TẠO NGHỀ CHO LAO ĐỘNG NÔNG THÔN HUYỆN LỆ THỦY TỈNH QUẢNG BÌNH

#### 2.1. ĐẶC ĐIỂM CƠ BẢN HUYỆN LỆ THỦY

##### 2.1.1. Vị trí địa lý, đặc điểm tự nhiên

###### a. Vị trí địa lý

Lãnh thổ huyện Lệ Thủy ở vào khoảng  $16^{\circ}55'$  đến  $17^{\circ}22'$  độ vĩ bắc và  $106^{\circ}25'$  đến  $106^{\circ}59'$  độ kinh đông. Phía bắc giáp huyện Quảng Ninh, phía nam giáp với huyện Vĩnh Linh tỉnh Quảng Trị, phía tây giáp tỉnh Savannakhet của nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào có đường biên giới dài 42,8 km, phía đông giáp biển Đông có đường bờ biển dài hơn 30 km.

###### b. Địa hình và đất đai

Huyện Lệ Thủy được hình thành đủ các dạng địa hình, với vùng núi đá vôi, vùng đồi trung du, vùng đồng bằng chiêm trũng và vùng cồn cát ven biển.

Tính đến năm 2012, diện tích đất tự nhiên toàn huyện là 1416,11 km<sup>2</sup> chiếm 17,56% diện tích đất tự nhiên toàn tỉnh; tổng diện tích nông thôn 1401,62 km<sup>2</sup> chiếm 98,97% diện tích toàn huyện. Trong 1416,11 km<sup>2</sup> diện tích đất tự nhiên thì: đất nông nghiệp 1262,37 km<sup>2</sup> chiếm 90,07%, đất phi nông nghiệp 95,84 km<sup>2</sup> chiếm 6,84%, đất chưa sử dụng 43,41 chiếm 3,09%. Qua đó ta thấy diện tích đất ở nông thôn huyện Lệ Thủy chủ yếu là diện tích dùng để sản xuất nông nghiệp.

###### c. Thời tiết khí hậu

Mang tính chất nhiệt đới gió mùa, một năm có 2 mùa: mùa mưa và mùa khô.

### 2.1.2. Đặc điểm về kinh tế- xã hội

**Bảng 2.1. Một số chỉ tiêu kinh tế xã hội huyện Lệ Thủy**

Chi tiêu	ĐVT	2008	2009	2010	2011	2012
Diện tích tự nhiên	Km <sup>2</sup>	1416,1	1416,1	1416,1	1416,1	1416,1
Dân số	Người	140100	140170	140527	140948	141380
Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên	o/ %	9,36	9,29	10,25	10,00	20,26
Dân số khu vực nông thôn	Người	135613	128993	129272	129637	130035
Tỷ lệ dân số khu vực nông thôn	%	96,80	92,03	91,99	91,98	91,98
Dân số trong độ tuổi lao động	Người	77286	77325	77522	77718	77912
- Tỷ lệ so với dân số	%	55,16	55,17	55,17	55,14	55,11
Số LĐ tham gia hoạt động kinh tế	Người	72719	73.062	73.248	73.838	76.303
- Tỷ lệ so với dân số	%	51,91	52,12	52,12	52,39	53,97
- Tỷ lệ so với lao động trong độ tuổi	%	94,09	94,49	94,49	95,01	97,93
Tỷ lệ hộ nghèo	%	20,85	17,37	13,39	20,11	15,93

*Nguồn: Chi cục thống kê huyện Lệ Thủy*

Thu nhập bình quân đầu người năm 2012 là 19 triệu đồng/người/năm. Tốc độ tăng trưởng kinh tế tăng cao, bình quân giai đoạn 2008-2012 khoảng 10,04%.

Năm 2012 tỷ trọng của ngành thương mại-dịch vụ: 36%; Công nghiệp - xây dựng: 25,3%, Nông - Lâm nghiệp và thủy sản còn 38,7%.

## **2.2. THỰC TRẠNG LAO ĐỘNG NÔNG THÔN HUYỆN LỆ THỦY**

Nguồn lao động nông thôn huyện Lệ Thủy khá dồi dào.

### **2.2.1. Cơ cấu lao động nông thôn huyện Lệ Thủy**

#### ***a. Cơ cấu lao động theo nhóm tuổi***

Theo số liệu năm 2011 cung cấp bởi chi cục thống kê huyện Lệ Thủy lực lượng lao động nông thôn có tuổi đời trẻ chiếm 61,85%.

#### ***b. Cơ cấu lao động theo giới tính***

Lao động nữ chiếm tỷ lệ cao hơn lao động nam

#### ***c. Cơ cấu lao động theo ngành kinh tế***

Theo số năm 2011 ngành nông, lâm thủy sản chiếm 70,58%, công nghiệp xây dựng chiếm 9,61%; thương mại dịch vụ 19,81% .

### **2.2.2. Trình độ, việc làm, thu nhập của lao động nông thôn**

#### ***a. Trình độ***

Số người trong độ tuổi lao động có trình độ chuyên môn kỹ thuật từ sơ cấp nghề trở lên năm 2011 chiếm 17,11%; lao động chưa qua đào tạo hoặc đã đào tạo nhưng không có chứng chỉ 82,89%.

#### ***b. Việc làm***

Lao động nông thôn đang làm việc trong các ngành kinh tế năm 2012 là 70.361 người, lao động chưa có việc làm 1.230 người.

#### ***c. Thu nhập***

Năm 2012, thu nhập bình quân đầu người ở nông thôn huyện Lệ Thủy là 14 triệu đồng/người/năm, thu nhập bình quân đầu người của người dân thành thị là 24 triệu đồng/người/năm (chiếm 58,33%).

### **2.3. THỰC TRẠNG ĐÀO TẠO NGHỀ CHO LAO ĐỘNG NÔNG THÔN HUYỆN LỆ THỦY**

#### **2.3.1. Thực trạng xác định nhu cầu đào tạo nghề cho lao động nông thôn huyện Lệ Thủy trong thời gian qua**

##### ***a. Nhu cầu sử dụng lao động***

Việc xác định nhu cầu sử dụng lao động cũng như các ngành nghề có nhu cầu tuyển dụng của các doanh nghiệp, cơ sở trên địa bàn huyện và các vùng lân cận đã được thực hiện, nhưng ở mức độ thăm dò, chưa tổ chức phân công, đánh giá kết quả một cách khoa học.

##### ***b. Nhu cầu học nghề của lao động nông thôn huyện Lệ Thủy***

Theo số liệu được cung cấp bởi Phòng LĐTĐ&XH huyện Lệ Thủy nhu cầu học nghề của lao động nông thôn trong năm 2010-2012 là 18.974 người nhu cầu học của nam giới 8.852 người; nữ giới 10.122 người, trong đó nhu cầu học nghề của lao động nông thôn ở các xã vùng giữa của huyện chiếm số lượng nhiều, nhất là xã An Thủy, xã Lộc Thủy; nhu cầu học nghề của lao động nông thôn ở các xã miền núi, vùng sâu, vùng xa, xã biên chiếm số lượng ít như xã Kim Thủy, xã Ngân Thủy, xã Ngư Thủy Nam

**Bảng 2.7. Nhóm ngành nghề lao động nông thôn huyện Lệ Thủy có nhu cầu học nghề**

ĐVT: Người

Ngành nghề có nhu cầu học	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012
Nhóm nghề điện, điện tử	900	660	380

Nhóm nghề tin học	660	420	320
Nhóm nghề may mặc	414	180	360
Nhóm nghề nông, lâm nghiệp, thủy sản	3.480	4.632	4.088
Nhóm nghề gắn với phát triển các làng nghề, làng nghề truyền thống	440	340	600
Nhóm nghề khác	320	260	520
Tổng cộng	6.214	6.492	6.268

*Nguồn: Phòng LĐTB&XH huyện Lệ Thủy*

### **2.3.2. Thực trạng lao động nông thôn huyện Lệ Thủy được đào tạo nghề**

Năm 2010-2012 nhu cầu học nghề của LĐNT 18.974 người tuy nhiên số lao động nông thôn đã được đào tạo nghề 3.182 người chiếm 16,77% thấp hơn so với LĐNT có nhu cầu học nghề.

Lao động nông thôn sau khi học nghề đã biết áp dụng kiến thức đã học vào sản xuất, trong giai đoạn 2010-2012 có 153 hộ gia đình có người được tham gia đào tạo nghề được thoát nghèo sau 1 năm học nghề, 44 hộ gia đình có người được tham gia đào tạo nghề sau 1 năm trở thành hộ khá. Qua đó ta thấy công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn huyện Lệ Thủy cũng đã đem lại hiệu quả đáng mừng trong việc nâng cao mức sống người dân, xóa đói giảm nghèo và phát triển kinh tế xã hội ở địa phương.

**Bảng 2.9. Nhóm ngành nghề lao động nông thôn huyện Lê Thủy được đào tạo nghề**

ĐVT: Người

Ngành nghề được đào tạo	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012
Nhóm nghề điện - điện tử	60	60	120
Nhóm nghề tin học	60	60	140
Nhóm nghề may mặc	60	0	140
Nhóm nghề nông, lâm nghiệp, thủy sản	420	492	830
Nhóm nghề gắn với phát triển các làng nghề, làng nghề truyền thống	60	0	360
Nhóm nghề khác	0	114	206
<b>Tổng cộng</b>	<b>660</b>	<b>726</b>	<b>1.796</b>

*Nguồn: Phòng LDTB &XH huyện Lê Thủy*

### **2.3.3. Thực trạng xác định mục tiêu đào tạo nghề cho lao động nông thôn huyện Lê Thủy**

Từ năm 2010, được sự quan tâm của các cấp, các ngành, việc xác định mục tiêu đào tạo nghề đã được xác định rõ cả về ngành nghề cũng như đối tượng cụ thể được đào tạo.

### **2.3.4. Thực trạng xây dựng phương thức và kế hoạch đào tạo nghề cho lao động nông thôn huyện Lê Thủy**

#### **a. Đánh giá kế hoạch, phương thức, trình độ, mô hình đào tạo nghề**

- Phương pháp đào tạo: Chưa đa dạng phương pháp đào tạo.
- Hình thức dạy nghề: Phần lớn lao động nông thôn trên địa bàn huyện Lê Thủy được đào tạo chủ yếu dưới hình thức ngắn hạn (thời gian đào tạo từ 3 đến dưới 12 tháng). Hình thức đào tạo dài hạn chưa được quan tâm.



- Mô hình đào tạo nghề: Chưa có mô hình đào tạo nghề cụ thể, phần lớn chỉ đào tạo nghề theo năng lực sẵn có của các cơ sở đào tạo.

### ***b. Kinh phí đào tạo nghề***

Tổng kinh phí đầu tư cho đào tạo nghề cho lao động nông thôn huyện Lê Thủy giai đoạn 2010-2012 là 16.204 triệu đồng trong đó đầu tư cho tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị 11.380 triệu đồng; phát triển chương trình, giáo trình 144 triệu đồng; đào tạo, bồi dưỡng giáo viên 72 triệu đồng; giám sát, đánh giá 75 triệu đồng; hỗ trợ lao động học nghề: 4.533 triệu đồng. Qua đây ta thấy có sự chênh lệch rất lớn giữa kinh phí đầu tư cho tăng cường cơ sở vật chất so với đầu tư vào các mục đích sử dụng khác.

### **2.3.5. Thực trạng triển khai chương trình đào tạo nghề cho lao động nông thôn huyện Lê Thủy**

#### ***a. Mạng lưới cơ sở đào tạo nghề***

+ Mạng lưới trường lớp:

Hệ thống trường học trên địa bàn huyện vẫn còn thiếu hiện nay trên địa bàn huyện mới có 2 trường chuyên về đào tạo nghề đó là Trung tâm dạy nghề và trung tâm hướng nghiệp dạy nghề

+ Cơ sở vật chất trang thiết bị phục vụ cho đào tạo nghề

Vẫn còn thiếu và lạc hậu

+ Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên đào tạo nghề

Hiện nay cán bộ quản lý và giáo viên dạy nghề của trung tâm dạy nghề ở huyện có 7 người trong đó có 2 giáo viên dạy nghề là giáo viên cơ hữu trình độ đại học, trung tâm hướng nghiệp dạy nghề 30 người trong đó có 18 giáo viên cơ hữu trình độ đại học.

+ Chương trình, giáo trình đào tạo nghề

Trong giai đoạn 2010-2012 trung tâm dạy nghề huyện đã biên soạn, bổ sung chỉnh sửa các chương trình đào tạo hệ sơ cấp và dạy

nghề thường xuyên phù hợp với công tác dạy nghề trên địa bàn: 14 nghề. Các chương trình đào tạo nghề này đã được đưa vào đào tạo mang lại nhiều hiệu quả.

***b. Thực trạng triển khai kế hoạch, chính sách đào tạo nghề cho lao động nông thôn huyện Lệ Thủy***

Được triển khai kịp thời và đúng tiến độ quy định.

***c. Thực trạng kiểm tra, đánh giá kết quả đào tạo nghề cho lao động nông thôn huyện Lệ Thủy***

Được triển khai thường xuyên nhưng chỉ dừng lại ở việc công nhận trình độ trên cơ sở kết quả đã đạt được theo yêu cầu xác định trong tiêu chuẩn hay mục tiêu dạy học.

## **2.4. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ CÔNG TÁC ĐÀO TẠO NGHỀ CHO LAO ĐỘNG NÔNG THÔN HUYỆN LỆ THỦY**

### **2.4.1. Kết quả đạt được**

- Cơ cấu ngành nghề đào tạo từng bước được điều chỉnh theo yêu cầu đa dạng của xã hội.

- Tổ chức được nhiều lớp đào tạo nghề ngắn hạn với các ngành nghề đa dạng cho lao động nông thôn.

- Nội dung chương trình đào tạo được nâng cao về chất lượng.

- Xã hội hóa dạy nghề đã đem lại kết quả bước đầu.

- Đã quan tâm đến đối tượng học nghề là lao động nông thôn và lao động có hoàn cảnh khó khăn, các đối tượng chính sách.

- Số lao động nông thôn học nghề gắn với việc làm và có việc làm mới ở địa phương ngày càng cao

### **2.4.2. Những tồn tại**

- Chưa xác định đúng nhu cầu, ngành nghề cần đào tạo

+ Công tác điều tra, khảo sát, dự báo nhu cầu, ngành nghề đào tạo chưa sát thực tế.

- + Việc xác định ngành nghề đào tạo còn lúng túng.
  - Công tác đào tạo nghề chưa đáp ứng nhu cầu đào tạo nghề
  - + Mạng lưới trường dạy nghề, cơ sở dạy nghề còn thiếu.
  - + Hình thức đào tạo chủ yếu là đào tạo ngắn hạn.
  - + Việc đào tạo nghề cho người lao động không theo yêu cầu phát triển kinh tế xã hội tại địa phương.
  - Chưa thực hiện lồng ghép kế hoạch đào tạo nghề với chương trình giải quyết việc làm, xóa đói giảm nghèo ở nông thôn.
  - + Công tác tư vấn nghề nghiệp chưa tốt.
  - + Chính quyền địa phương và người học nghề chưa nhận thức đầy đủ trách nhiệm về công tác đào tạo.
  - Vẫn còn nhận thức không đúng về việc học nghề của lao động nông thôn
  - + Tình trạng học nghề theo cách đối phó.
  - + Chưa nhận thức được tầm quan trọng của việc học nghề
  - Kinh phí hỗ trợ cho việc đào tạo nghề còn thấp.
- 2.4.3. Nguyên nhân của những tồn tại**
- a. Nhận thức xã hội về đào tạo nghề cho lao động nông thôn**
- Nhận thức của cán bộ các cấp, các ngành, các đoàn thể về vai trò đào tạo nghề còn thấp
  - + Chưa tổ chức được các lớp tập huấn nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác dạy nghề và cán bộ các hội đoàn thể
  - + Công tác tuyên truyền, tư vấn học nghề và việc làm đối với lao động nông thôn hàng năm còn hạn chế.
  - Do nhận thức của lao động nông thôn chưa đầy đủ

- + Vẫn còn thói quen ỷ lại vào sự hỗ trợ của Nhà nước.
- + Tâm lý lo ngại sau khi học nghề không tìm được việc làm

***b. Xây dựng kế hoạch, phương thức, chương trình***

- Công tác tư vấn, lựa chọn nghề để đào tạo cho phù hợp với đặc điểm kinh tế tại địa phương chưa được quan tâm

- Các xã chưa có cán bộ chuyên trách về dạy nghề.
- Chưa có mô hình đào tạo nghề phù hợp
- Chưa xây dựng được chương trình dạy nghề theo diện rộng.
- Phương pháp dạy và học chuyển biến chậm
- Chưa xây dựng kế hoạch lồng ghép đào tạo nghề gắn với chương trình giải quyết việc làm và xóa đói giảm nghèo.
- Công tác huy động nguồn lực tài chính cho dạy nghề chưa hiệu quả.

- Chưa phân luồng hướng nghiệp cho học sinh phổ thông

***c. Tổ chức đào tạo***

\* Cơ sở vật chất:

Cơ sở vật chất, trang thiết bị máy móc chưa đủ

\* Đội ngũ giáo viên vừa thiếu, vừa yếu

Chưa huy động được đội ngũ chuyên gia nông nghiệp, nghề nhận và các hội nghề nghiệp tham gia quá trình đào tạo

***d. Chưa đa dạng hóa, xã hội hóa, liên kết, hợp tác trong đào tạo nghề***

- Sự hợp tác, liên kết giữa các cơ sở dạy nghề với các doanh nghiệp chưa chặt chẽ.

- Chưa chú trọng các chương trình dạy nghề theo các hình thức kèm cặp, truyền nghề tại các làng nghề, các doanh nghiệp.

### **CHƯƠNG 3**

## **ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP ĐÀO TẠO NGHỀ CHO LAO ĐỘNG NÔNG THÔN HUYỆN LỆ THỦY**

### **3.1. CĂN CỨ XÂY DỰNG GIẢI PHÁP**

#### **3.1.1. Một số quan điểm chủ yếu về đào tạo nghề cho lao động nông thôn**

Đào tạo nghề cho lao động là sự nghiệp của Đảng, Nhà nước, của các cấp, các ngành và xã hội

Học nghề là quyền lợi và nghĩa vụ của lao động nông thôn

Chuyển mạnh đào tạo nghề cho lao động nông thôn từ đào tạo theo năng lực sẵn có của cơ sở đào tạo sang đào tạo theo nhu cầu học nghề của lao động nông thôn và yêu cầu của thị trường lao động

#### **3.1.2. Phương hướng đào tạo nghề cho lao động nông thôn**

- Đổi mới và nâng cao chất lượng đào tạo nghề theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa một cách toàn diện.

- Xây dựng cơ chế chính sách đặc thù

- Tập trung mọi nguồn nhân lực tích cực đẩy mạnh tốc độ tăng trưởng các ngành kinh tế chất lượng và bền vững

- Đẩy mạnh các hoạt động phát triển kinh tế, tạo việc làm.

#### **3.1.3. Mục tiêu đào tạo nghề cho lao động nông thôn huyện Lệ Thủy**

+ Mục tiêu tổng quát

Mở rộng và nâng cao hiệu quả đào tạo nghề cho lao động nông thôn

+ Mục tiêu cụ thể

\* Giai đoạn 2011 – 2015: Đào tạo nghề (cả 3 cấp trình độ) cho 6.350 lao động ở khu vực nông thôn và lao động nữ trong huyện.

\*Giai đoạn 2016 - 2020: Đào tạo nghề (cả 3 cấp trình độ) cho 8.000 lao động ở khu vực nông thôn.

### **3.1.4. Nhu cầu đào tạo nghề lao động nông thôn huyện Lê Thủy**

#### ***a. Dự báo nhu cầu học nghề của LĐNT huyện Lê Thủy***

Theo Phòng LĐTB&XH dự báo nhu cầu học nghề của lao động nông thôn huyện Lê Thủy năm 2013 thì tổng số lao động nông thôn có nhu cầu học nghề là 6.350 người

#### ***b. Dự báo nhu cầu sử dụng lao động***

Theo Phòng LĐTB&XH dự báo nhu cầu sử dụng lao động

Giai đoạn 2013- 2015 khoảng 600 người

Giai đoạn 2016 - 2020 khoảng 1.250 người

Giai đoạn 2013-2020 bình quân mỗi năm giải quyết việc làm cho 4.000-5.000 lao động.

## **3.2. MỘT SỐ GIẢI PHÁP ĐẨY MẠNH CÔNG TÁC ĐÀO TẠO NGHỀ CHO LAO ĐỘNG NÔNG THÔN HUYỆN LÊ THỦY**

### **3.2.1. Giải pháp gắn với xác định nhu cầu đào tạo nghề**

- Tổ chức điều tra, phân tích, đánh giá đúng thực trạng nguồn lao động nông thôn; xác định nhu cầu học nghề của lao động nông thôn. Trên cơ sở đó, xác định danh mục nghề đào tạo và xây dựng kế hoạch đào tạo nghề cho lao động nông thôn phù hợp

- Tổ chức điều tra, khảo sát nhu cầu sử dụng lao động qua đào tạo nghề của các doanh nghiệp, của thị trường lao động trên địa bàn.

- Lấy xã làm cấp cơ sở để xây dựng kế hoạch và xác định ngành nghề đào tạo cho lao động nông thôn.

### **3.2.2. Giải pháp gắn với xác định mục tiêu đào tạo nghề**

Cần phải xác định rõ mục tiêu tổng quát của đào tạo nghề như mỗi năm đào tạo cho khoảng bao nhiêu lao động nông thôn và đào

tạo nhằm mục đích gì, tỷ lệ có việc làm sau khi học nghề là bao nhiêu.... Đồng thời phải xác định rõ mục tiêu cụ thể của đào tạo nghề cho lao động nông thôn là gì theo từng giai đoạn cụ thể. Để từ đó có kế hoạch tổ chức đào tạo nghề cho lao động nông thôn.

### **3.2.3. Giải pháp gắn với kế hoạch, phương thức**

- Việc đào tạo nghề cho lao động nông thôn cần gắn với việc thực hiện mục tiêu “mỗi làng, mỗi nghề”, mỗi một địa phương căn cứ vào tình hình thực tế, thế mạnh của địa phương để có phương án dạy nghề phù hợp.

- Đổi mới phương pháp đào tạo, gắn lý thuyết với thực hành.

+ Chuyển mạnh đào tạo nghề theo năng lực sẵn có của cơ sở đào tạo sang đào tạo theo nhu cầu học nghề của lao động nông thôn và yêu cầu của thị trường.

+ Đổi mới căn bản phương pháp giảng dạy

- Xây dựng kế hoạch đào tạo nghề gắn với chương trình giải quyết việc làm và xóa đói giảm nghèo.

+ Kết hợp các chương trình giải quyết việc làm, xóa đói giảm nghèo với kế hoạch đào tạo nghề cũng như quy hoạch định hướng phát triển KT-XH của huyện.

+ Các cơ quan chính quyền và các đoàn thể liên quan chịu trách nhiệm giám sát giúp học viên tổ chức sản xuất, giúp đỡ học viên vay vốn sản xuất hay tìm việc làm.

- Hoàn thiện quản lý nhà nước về phát triển đào tạo nghề

+ Từng bước giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho các cơ sở dạy nghề

+ Các xã cần có cán bộ chuyên trách về dạy nghề

+ Hàng năm cần trích từ nguồn ngân sách địa phương để đầu tư cho công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn.

- Phân luồng hướng nghiệp cho học sinh phổ thông nông thôn.

Tác giả xin đề xuất mô hình đào tạo liên kết “4 nhà” (nhà nước- trường ban đào tạo, nhà nông - người học, nhà trường - người đào tạo, nhà sử dụng lao động - doanh nghiệp)

### **3.2.4. Giải pháp tổ chức quá trình đào tạo nghề**

- Xây dựng chương trình dạy nghề theo diện rộng

Chương trình dạy nghề phải chú trọng tới đào tạo nghề truyền thống hay những ngành nghề sản xuất hàng hóa gắn với việc sử dụng nguyên liệu sẵn có tại địa phương.

- Nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý dạy nghề

+ Xây dựng kế hoạch và tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng để đáp ứng về số lượng, chất lượng giáo viên

+ Huy động những người có đủ điều kiện tham gia dạy nghề

- Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị phương tiện dạy nghề

+ Để tăng cường cơ sở vật chất cần phải tổng hợp thế mạnh của các nguồn lực

+ Đẩy mạnh xã hội hoá dạy nghề

+ Tăng cường đầu tư củng cố mở rộng quy mô đào tạo của Trung tâm Dạy nghề huyện.

+ Tập trung đầu tư cơ sở vật chất cho Trung tâm Dạy nghề

### **3.2.5. Giải pháp kiểm tra, đánh giá kết quả đào tạo nghề cho lao động nông thôn**

- Để kiểm tra, giám sát quá trình triển khai thực hiện đào tạo nghề cho lao động nông thôn, Phòng LĐTB&XH huyện cần xây dựng hệ thống chỉ tiêu giám sát, đánh giá về hiệu quả hoạt động dạy



nghề cho lao động nông thôn để các cơ quan, ban ngành và UBND các xã, thị trấn phối hợp cùng giám sát, kiểm tra.

- Công tác kiểm tra, giám sát cần được quan tâm thường xuyên

### **3.2.6. Giải pháp nâng cao nhận thức của xã hội về đào tạo nghề cho lao động nông thôn**

- Nâng cao nhận thức của cán bộ các cấp, các ngành, các đoàn thể; cán bộ công chức huyện, xã về vai trò đào tạo nghề cho lao động nông thôn với các biện pháp sau:

+ Thường xuyên tổ chức các lớp tập huấn nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác dạy nghề và cán bộ các hội đoàn thể liên quan

+ Xác định nội dung tuyên truyền, tư vấn học nghề và việc làm đối với lao động nông thôn hàng năm

- Nâng cao nhận thức về học nghề cho lao động

- Có chính sách thu hút các doanh nghiệp, xí nghiệp, các cơ sở sản xuất tạo môi trường thuận lợi cho việc đào tạo nghề trên địa bàn huyện.

### **3.2.7. Giải pháp đa dạng hóa, xã hội hóa, liên kết, hợp tác trong đào tạo nghề**

Tăng cường các chương trình hợp tác giữa cơ sở dạy nghề với doanh nghiệp

Chú trọng các chương trình dạy nghề theo các hình thức kèm cặp, truyền nghề tại các làng nghề các doanh nghiệp

## **KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ**

### **1. Kết luận**

Qua quá trình nghiên cứu tác giả xin rút ra một số kết luận như sau:

- Tác giả đã thực hiện được mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu của đề tài: làm sáng tỏ được cơ sở lý luận liên quan đến đào tạo nghề cho lao động nông thôn.

- Đánh giá thực trạng hoạt động đào tạo nghề cho lao động nông thôn huyện Lệ Thủy trong thời gian qua và những kết quả đã đạt được cũng như những tồn tại, hạn chế.

- Đã đưa ra được các giải pháp đẩy mạnh công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn huyện Lệ Thủy cụ thể:

- + Nâng cao nhận thức của xã hội về đào tạo nghề cho LĐNT
- + Giải pháp gắn với kế hoạch, phương thức, chương trình
- + Nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý dạy nghề
- + Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị phương tiện dạy nghề.

+ Đa dạng hóa, xã hội hóa, liên kết, hợp tác trong đào tạo nghề

## **2. Kiến nghị**

### **\* Đối với các cấp, các ngành**

- Các cơ quan chức năng cần nghiên cứu, xác định các ngành nghề đào tạo cho phù hợp với đặc điểm phát triển KT-XH của huyện.

- Thường xuyên theo dõi, đôn đốc, kiểm tra giám sát đánh giá

### **\* Đối với lao động nông thôn học nghề**

- Cần nhận thức được học nghề là quyền lợi và trách nhiệm

- Tham gia học nghề nghiêm túc.

### **\* Đối với cơ sở đào tạo nghề**

- Nhận thức đúng đắn trách nhiệm, nghĩa vụ của mình về đào tạo nghề cho lao động nông thôn.

- Nhanh chóng rà soát tình hình cán bộ giáo viên, cơ sở vật chất phục vụ cho việc đào tạo nghề để trình các cấp có thẩm quyền

### **\* Đối với các doanh nghiệp**

Doanh nghiệp hỗ trợ nông dân trong việc xây dựng các vùng nguyên liệu tập trung, việc làm sau đào tạo.